

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản antimon điểm mỏ Hoà Phú, xã Hoà Phú và điểm mỏ Cốc Táy, xã Yên Lập, xã Bình Phú, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số 14/GP-UBND ngày 26/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang cho phép Công ty cổ phần Khoáng sản Đại Lộc được phép khai thác khoáng sản antimon điểm mỏ Hoà Phú, xã Hoà Phú và điểm mỏ Cốc Táy, xã Yên Lập, xã Bình Phú, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ các Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 về việc thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản và Văn bản số 690/UBND-KT ngày 07/3/2022 về việc đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 296/STNMT-KS ngày 03/3/2022;

Xét đơn đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ ngày 18/4/2022 và Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản antimon điểm mỏ Hoà Phú, xã Hoà Phú và điểm mỏ Cốc Táy, xã Yên Lập, xã Bình Phú, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang của Trung tâm

Quan trắc Tài nguyên và Môi trường nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường (Trung tâm đã chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày 20/6/2022 và nộp lại Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 28/7/2022);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 351/TTr-STNMT ngày 04/8/2022 về việc đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản antimon điểm mỏ Hoà Phú, xã Hoà Phú và điểm mỏ Cốc Táy, xã Yên Lập, xã Bình Phú, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản antimon điểm mỏ Hoà Phú, xã Hoà Phú và điểm mỏ Cốc Táy, xã Yên Lập, xã Bình Phú, huyện Chiêm Hoá đã cấp cho Công ty cổ phần Khoáng sản Đại Lộc theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số 14/GP-UBND ngày 26/6/2011 và đã bị thu hồi Giấy phép theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ

Đóng cửa mỏ để phục hồi môi trường, bàn giao đất cho địa phương quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về khoáng sản, môi trường, đất đai, bảo vệ tài nguyên khoáng sản.

2. Diện tích đóng cửa mỏ: 45,3 ha được giới hạn bởi các điểm góc thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1/5.000 hệ VN 2000 kinh tuyến trực 106⁰, múi chiều 3⁰, có tọa độ các điểm khép góc nêu tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng thực hiện đề án đóng cửa mỏ:

- Khu Hòa Phú:

- + Tháo dỡ công trình phụ trợ; san gạt moong khai thác.
- + Khơi thông, cải tạo khe suối.
- + Trồng cây xanh.

- Khu Cốc Táy:

- + Xây lắp cửa lò khai thác, tháo dỡ công trình phụ trợ, cải tạo đường nội bộ; san gạt các công trình phụ (bãi thải, hồ nước...).
- + Di dời, vận chuyển hóa chất dầu thông.
- + Trồng cây xanh.

4. Thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ: Trong thời hạn 05 tháng sau khi có quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Nguồn và kinh phí thực hiện đề án đóng cửa mỏ: 1.217.532.560 đồng (Trong đó: Kinh phí lập, trình duyệt Đề án đóng cửa mỏ là 226.757.560 đồng; kinh phí thi công đóng cửa mỏ) bằng tiền ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường của Dự án khai thác antimon điểm mỏ Hòa Phú, xã Hòa Phú và điểm mỏ Cốc Táy, xã Yên Lập, xã Bình Phú, huyện Chiêm Hóa theo nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản số 14/GP-UBND ngày 26/6/2012 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

6. Tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ: Đơn vị trúng đấu thầu thi công đóng cửa mỏ.

Điều 2. Trách nhiệm của đơn vị trúng đấu thầu thi công đóng cửa mỏ:

1. Thực hiện đầy đủ khối lượng, đúng tiến độ theo đề án đóng cửa mỏ đã phê duyệt.

2. Bảo đảm tuyệt đối an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ theo quy định.

3. Báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang khi hoàn thành đề án để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ làm cơ sở báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ điểm mỏ Hòa Phú, xã Hòa Phú và điểm mỏ Cốc Táy, xã Yên Lập, xã Bình Phú, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang theo quy định.

4. Thực hiện các quy định trong đấu thầu dự án của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa, Giám đốc Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng đơn vị trúng thầu thi công và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Các PCT UBND tỉnh
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Chuyên viên: KS, ĐC;
- Lưu VT, (Đ 28).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Phụ lục số 01

TỌA ĐỘ RANH GIỚI KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Tên điểm	Khu vực	Diện tích	Toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục 106°00', múi chiếu 3°	
			X (m)	Y (m)
Khu Hòa Phú				
1	Khu vực khai thác	15 ha	2.447.863	415.374
2			2.447.868	415.370
3			2.447.453	415.745
4			2.447.444	415.382
Khu Cốc Táy				
1	Khu vực khai thác	30 ha	2.453.227	438.831
2			2.453.493	439.080
3			2.452.964	439.727
4			2.452.706	439.481
5	Công trình phụ trợ	Nhà để xe: 335 m ²	2.453.412	438.898
6			2.453.417	438.912
7			2.453.396	438.920
8			2.453.391	438.906
9		Trạm cân: 160 m ²	2.453.500	438.853
10			2.453.499	438.869
11			2.453.494	438.872
12			2.453.480	438.867
13		Nhà hóa: 100 m ²	2.453.540	438.819
14			2.453.542	438.830
15			2.453.533	438.832
16			2.453.530	438.822
17		Trạm điện: 100 m ²	2.453.599	438.805
18			2.453.606	438.812
19			2.453.599	438.819
20			2.453.592	438.812
21		Xưởng nghiền: 1.600 m ²	2.453.617	438.723
22			2.453.653	438.776
23			2.453.631	438.789
24			2.453.596	438.736

25		Hồ nước: 680 m ²	2.453.584	438.637
26			2.453.596	438.658
27			2.453.573	438.671
28			2.453.562	438.649
Tổng cộng: 45,3 ha				